

TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Số: 281 /TST-KTTKTC
V/v: Công bố thông tin về BCTC hợp nhất
Năm 2015.

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**
2. Mã chứng khoán: **TST**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 043 7366 984 Fax: 043 568 2240
5. Người thực hiện công bố thông tin:
 - + Người đại diện theo pháp luật: Phan Sỹ Kiên
 - + Người được uỷ quyền công bố thông tin: Trần Thị Thanh Bình
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông được lập ngày 30/03/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tst.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Sỹ Kiên

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTKTC.

Giải trình nguyên nhân chênh lệch trong KQKD hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán so với báo cáo trước kiểm toán.

* Trong năm 2015 lãi sau thuế hợp nhất của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 3.659.205.595 đồng; giảm 955.135.927 đồng, tương đương -21% so với báo cáo KQKD năm 2015 trước kiểm toán (trong đó giảm tại công ty TST là -894.614.500 đồng và giảm tại công ty HTSV là -60.521.427 đồng) là do những nguyên nhân sau:

1. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu giá vốn hợp nhất 1.554.720.704 đồng, trong đó tăng giá vốn của công ty TST 508.061.383 đồng, đây là chủ yếu những khoản phân loại lại chi phí từ những tài khoản khác như từ TK 6426: 416.526.798 đồng, từ TK 6418: -19.500.000 đồng, trích chi phí ăn ca bị thiếu ở XNBD – ĐK và Chi nhánh Cần Thơ là 70.899.130 đồng, tất toán tài khoản CCDC của Chi nhánh Cần thơ: 1.135.455 đồng và tăng giá vốn của Công ty HTSV 1.046.659.321 đồng chủ yếu cũng là phân loại lại chi phí cho đúng tài khoản.
2. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chi tiêu Doanh thu tài chính hợp nhất 9272785 đồng do tính lại tỷ giá hối đoái tại thời điểm 31.12.2016 của các khoản phải thu bằng ngoại tệ tại công ty TST.
3. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chi tiêu chi phí tài chính hợp nhất -185.629.628 đồng do đánh giá lại tỷ giá và tính lại chi phí lãi vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm 2015 trong đó tăng 1.129.212 đồng từ công ty TST và giảm -186.758.840 đồng từ công ty HTSV.
4. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh giảm chi tiêu chi phí bán hàng hợp nhất xuống -263.329.870 trong đó tại công ty TST là giảm -19.500.000 đồng chủ yếu do phân loại lại sang TK giá vốn năm 2015 và giảm tại công ty HTSV là -243.829.870 đồng cũng là phân loại lại sang TK giá vốn năm 2015.
5. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất lên 24.216.867 đồng, trong đó tại công ty TST tăng 627.654.759 đồng do tính lại phân bổ từ chi phí dở dang là 1.008.546.440 đồng, phân loại sang tài khoản giá vốn là -416.526.798 đồng, hạch toán bổ sung chi phí trả trước 35.651.733 đồng, bổ sung chi phí nước tính thiếu 2.148.210 đồng, giảm chi phí bảo hiểm tính thừa



2.164.826 đồng, nhưng tại công ty HTSV chi phí quản lý lại giảm -603.437.892 đồng chủ yếu là do phân loại lại sang tài khoản giá vốn.

6. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu Thu khác hợp nhất lên 192.817.523 đồng chủ yếu tại công ty TST trong đó tăng các khoản công nợ không phải trả 113.308.102 đồng, tăng phải thu từ khách hàng Viễn thông Thừa Thiên Huế sau khi đối chiếu công nợ 101.945.464 đồng, giảm do phân loại chiết khấu thanh toán -1.795.500 đồng, phân loại lại thanh lý tài sản cố định, vật tư -20.640.545 đồng.

7. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu Chi khác hợp nhất 20.640.545 đồng từ phân loại lại thanh lý tài sản cố định, vật tư tại công ty TST.

9. Công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội điều chỉnh tăng chi tiêu chi phí thuế TNDN hiện hành hợp nhất lên 47.888.708 đồng do tính lại thu nhập phải chịu thuế TNDN tại công ty HTSV.

→ Tóm lại trong quá soát xét BCTC hợp nhất cuối năm 2015 công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội đã đề xuất các bút toán điều chỉnh so với báo cáo trước kiểm toán là:

Tăng giá vốn	- 1.554.720.704 đồng
Tăng Doanh thu tài chính	9.272.786 đồng
Giảm chi phí tài chính	185.629.628 đồng
Giảm chi phí bán hàng	263.329.870 đồng
Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp	- 24.216.867 đồng
Tăng Thu khác	192.817.523 đồng
Giảm Chi khác	20.640.545 đồng
Tăng thuế TNDN	- 47.888.708 đồng
Ảnh hưởng giảm lợi nhuận so với trước kiểm toán	- 955.135.927 đồng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập giải trình

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Chứng chỉ ISO 9001:2008 (được cấp bởi TUV-NORD ngày 10/04/2014).



Giải trình nguyên nhân chênh lệch tăng 4% trong báo cáo KQKD hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán so với cùng kỳ năm trước.

* Trong năm 2015 lãi sau thuế hợp nhất của Công ty TST sau soát xét của Công ty kiểm toán, A&C chi nhánh Hà nội là 3.659.205.595 đồng, tăng 134.965.874 đồng, (+4%) so với cùng kỳ năm ngoái (trong đó tại công ty TST tăng 22.787.440 đồng và tại công ty HTSV tăng 112.178.434 đồng) là do những nguyên nhân sau:

1. Doanh thu hợp nhất của công ty TST năm 2015 sau soát xét của kiểm toán tăng 14% trong đó tuy doanh thu của TST tăng 28% nhưng doanh thu của công ty HTSV lại giảm tới -47%, đồng thời giá vốn hợp nhất của công ty cũng tăng tới 18%, do giá vốn của công ty TST tăng 18% nhưng giá vốn của HTSV lại giảm -46% so với cùng kỳ năm ngoái dẫn đến khoản lãi gộp hợp nhất trong năm 2015 sau soát xét của kiểm toán là 14.374.310.396 đồng tăng 2% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tại công ty TST tăng 16% và tại công ty HTSV giảm -50%).

2. Doanh thu tài chính hợp nhất của công ty năm 2015 sau soát xét của kiểm toán giảm --58% trong đó doanh thu tài chính của công ty TST tăng 15%, nhưng doanh thu tài chính của công ty HTSV lại giảm -94% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời chi phí tài chính hợp nhất lại tăng đến 32% trong đó tại TST tăng 292%, và HTSV cũng tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái.

3. Chi phí bán hàng hợp nhất của công ty TST năm 2015 sau soát xét của kiểm toán giảm đến -17% do chi phí bán hàng của công ty TST giảm -22 % nhưng chi phí bán hàng của công ty HTSV lại tăng 25%.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất của công ty năm 2015 sau soát xét của kiểm toán tăng 23% trong đó tại công ty TST tăng 50% còn HTSV lại giảm -45% so với cùng kỳ năm ngoái.

5. Chi tiêu thu khác hợp nhất sau soát xét của kiểm toán tăng 126% nhưng đồng thời chi khác hợp nhất cũng giảm -98% làm lợi nhuận khác hợp nhất của công ty tăng 200%.



6. Chi tiêu lãi lỗ từ công ty liên kết tăng 36% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu được tính toán tại công ty mẹ là công ty TST.

7, Chi tiêu chi phí thuế TNDN hiện hành hợp nhất năm 2015 giảm -37% chủ yếu là do tính lại thuế TNDN ở công ty HTSV, còn công ty TST vẫn được chuyển lỗ lũy kế.

→ Tóm lại sau soát xét của công ty kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội năm 2015 do doanh thu hợp nhất của Công ty TST tăng 14%, nhưng giá vốn hợp nhất cũng tăng 18%, doanh thu tài chính hợp nhất giảm -58%, chi phí tài chính hợp nhất lại tăng 32%, chi phí bán hàng hợp nhất giảm -18%, chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất tăng 23%, lợi nhuận khác hợp nhất tăng 200%, lãi lỗ từ công ty liên kết giảm 36%, chi phí thuế TNDN hiện hành hợp nhất giảm -37% ... đã làm cho Công ty TST có lãi hợp nhất là 3.659.205.595 đồng, tăng 134.965.874 đồng, (+4%) so với cùng kỳ năm ngoái.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập giải trình



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên



TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG – TST
-----o0o-----

Giải trình nguyên nhân của ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty TST đã được soát xét của kiểm toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

* Trong quá trình kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C có đưa ra ý kiến loại trừ về số liệu của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm kết thúc ngày và ngày 31.12.2015.

Nguyên nhân: Theo Quyết định số 54/QĐ-TCHC ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Tổng giám đốc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông TST về việc bổ nhiệm cán bộ thì ông Ngô Văn Hiệp – Phó giám đốc Phụ trách Chi nhánh Công ty TST tại thành phố Hồ Chí Minh – được miễn nhiệm mọi chức vụ trong Chi nhánh Công ty TST tại TP Hồ Chí Minh kể từ ngày 01/02/2013. Ông Ngô Văn Hiệp có trách nhiệm bàn giao công việc cho người kế nhiệm xong trước ngày 08/02/2012.

Nhưng trong thực tế ông Ngô Văn Hiệp đã không làm thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm là ông Nguyễn Hoàng Tâm, và ông Hiệp cũng không ký và đóng dấu Báo cáo Tài chính năm 2012 trước soát xét kiểm toán của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh nên báo cáo này chỉ được ký bởi người lập biểu là ông Chu Mạnh Hùng, đồng thời ông Hiệp cũng không bàn giao các chứng từ kế toán và con dấu - là cơ sở để cung cấp số liệu phục vụ cho công tác soát xét kiểm toán của Công ty Kiểm toán Grant Thornton. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC của công ty TST năm 2012) và Công ty Kiểm toán A&C chi nhánh Hà nội (Công ty Kiểm toán được ký hợp đồng để soát xét BCTC của công ty TST năm 2015) và cũng không hoàn thiện được các hồ sơ do các đoàn Kiểm toán yêu cầu như xác nhận công nợ phải thu, phải trả với khách hàng, nhà cung cấp và nhân viên của chi nhánh, không xác nhận được số dư các tài khoản tại Ngân hàng tại thời điểm 31.12.2012 và 26.03.2013 (thời điểm giải thể chi nhánh) do sự bất hợp tác của ông Hiệp. Hiện tại đã có quyết định giải thể Chi nhánh Miền nam và mọi hồ sơ giấy tờ còn lại của Chi nhánh Miền nam đã được niêm phong để Ban giải thể Chi nhánh tiến hành công tác giải thể.

Người lập giải trình



Sơn Hồng Sơn

Trưởng phòng Kế toán



Trần Trung Hiếu

Tổng giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Chứng chỉ ISO 9001:2008 (được cấp bởi TUV-NORD ngày 10/04/2014).



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 47



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129 ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và Vốn điều lệ của Công ty.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 043 736 69 84
- Fax : 043 568 22 40

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

3A
CI
C
4CH
M1
T
V/G

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Phan Dũng	Ủy viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Vũ Thành Trung	Ủy viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 3 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Phan Sỹ Kiên
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

15-
HÁ
G T
EM
VÀ
& C
HÁ
T



Số: 264/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

02/02/2016
NH
Y
DUH
TU V
HỘI
P.P

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi không thể tiếp cận được với các bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định được tính trung thực và hợp lý về số liệu của chi nhánh Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013) đang được sử dụng để tổng hợp vào báo cáo của Công ty mẹ. Cụ thể:

	31 tháng 12 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu thương mại thuần	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác	177.418.736	177.418.736
	15.535.857.620	15.535.857.620
Phải trả thương mại	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	6.253.418.069	6.253.418.069
Chi phí phải trả khác	1.990.198.309	1.990.198.309
	11.050.942.517	11.050.942.517

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.700.910.851	120.065.037.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.673.457.382	6.776.251.383
1. Tiền	111		4.453.457.382	6.556.251.383
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000	220.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.905.083.477	91.561.665.433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	74.548.249.207	60.696.236.773
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.750.690.573	1.836.434.522
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	36.126.920.415	33.255.721.588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.656.944.519)	(4.362.895.251)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
IV. Hàng tồn kho	140		27.184.259.293	21.186.264.542
1. Hàng tồn kho	141	V.8	27.600.786.091	21.186.264.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(416.526.798)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		938.110.699	540.856.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	151.434.097	128.543.618
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		150.915.712	7.779.425
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	635.760.890	404.533.557
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.457.327.636	61.263.946.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.807.242	92.105.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.807.242	92.105.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.603.740.865	39.389.711.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	14.895.712.865	14.542.359.705
<i>Nguyên giá</i>	222		62.159.408.631	60.353.587.869
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47.263.695.766)	(45.811.228.164)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24.708.028.000	24.847.351.852
<i>Nguyên giá</i>	228		25.891.037.818	25.891.037.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.183.009.818)	(1.043.685.966)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.054.313.636	1.601.041.636
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.601.041.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.444.925.017	18.689.035.194
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	13.905.829.298	13.149.939.475
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(350.904.281)	(350.904.281)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.203.540.876	1.492.053.006
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.203.540.876	1.492.053.006
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		209.158.238.487	181.328.984.351

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		102.094.501.313	75.591.392.869
I. Nợ ngắn hạn	310		100.864.251.313	74.409.292.869
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	17.873.889.757	18.119.729.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	970.109.667	934.762.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.883.707.293	2.703.232.780
4. Phải trả người lao động	314		4.591.058.530	4.125.394.227
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	15.476.422.369	10.315.436.327
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	32.468.989.275	30.522.397.448
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	25.502.850.980	7.591.116.050
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		97.223.442	97.223.442
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.230.250.000	1.182.100.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.230.250.000	1.182.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.063.737.174	105.737.591.482
I. Vốn chủ sở hữu	410		107.063.737.174	105.737.591.482
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	49.699.560.000	49.699.560.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	9.253.201.018	11.101.830.563
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	119.132.759	119.132.759
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(17.132.488.615)	(20.298.271.144)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.782.701.503)	(20.298.271.144)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.650.212.888	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	17.124.332.012	17.115.339.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		209.158.238.487	181.328.984.351

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.312.619.177	67.581.538.938
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.312.619.177	67.581.538.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.938.308.781	53.458.185.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.374.310.396	14.123.353.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	184.373.076	438.687.513
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	838.677.366	633.797.961
Trong đó: chi phí lãi vay	23		780.767.328	517.678.883
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		755.889.823	556.663.948
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.957.484.735	2.353.369.074
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.648.328.763	9.442.769.441
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		870.082.431	2.688.768.422
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.869.990.980	1.268.689.374
13. Chi phí khác	32	VI.8	6.379.864	314.269.172
14. Lợi nhuận khác	40		2.863.611.116	954.420.202
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.733.693.547	3.643.188.624
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	74.487.952	118.948.902
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.659.205.595	3.524.239.721
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.650.212.888	3.458.497.786
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.992.707	65.741.936
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	760	721
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	760	721

Người lập biểu

Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.733.693.547	3.643.188.624
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.586.798.692	2.940.742.107
- Các khoản dự phòng	03	710.576.066	(3.835.391.660)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.705.010	(41.306.038)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(521.468.529)	(303.734.169)
- Chi phí lãi vay	06	780.767.328	517.678.883
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.304.072.114	2.921.177.746
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24.055.906.881)	1.996.175.599
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.414.521.549)	(12.930.088.760)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.898.827.380	(3.188.820.327)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	265.621.651	4.999.739.637
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(780.767.328)	(517.678.883)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(145.543.853)	(51.021.088)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	104.819.642	3.184.230.581
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.437.879.545)	(1.212.801.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.261.278.369)	(4.799.086.902)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.254.100.000)	(581.168.762)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	372.450.364	377.973.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.734.234.676
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	138.240.000	95.842.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.743.409.636)	2.626.882.493

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	27.604.720.380	9.480.627.126	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.692.985.450)	(8.227.011.076)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.290.000)	(49.561.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>17.901.444.930</i>	<i>1.204.055.050</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.103.243.075)	(968.149.359)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.776.251.383	7.743.306.734
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	449.074	1.094.008	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.673.457.382	6.776.251.383

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam có trụ sở chính tại số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina - OFC có trụ sở chính tại số Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Nhóm Công ty và Nhóm Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Nhóm Công ty có 155 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 131 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Nhóm Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

AA
CH
CI
CHI
MT
TI
VG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí giải thể

Chi phí giải thể các chi nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Nhóm Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Nhóm Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	124.550.210	361.610.637
Tiền gửi ngân hàng	4.328.907.172	6.194.640.746
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	220.000.000	220.000.000
Cộng	<u>4.673.457.382</u>	<u>6.776.251.383</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cáp Quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(234.170.702)	(990.060.525)
Cộng	<u>13.905.829.298</u>	<u>13.149.939.475</u>

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	13.149.939.475	12.593.275.527
Góp vốn		
Phần lãi hoặc lỗ	755.889.823	556.663.948
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Số cuối năm	<u>13.905.829.298</u>	<u>13.149.939.475</u>

Giao dịch với công ty liên kết

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam và Thiết bị Buru điện	4.930.000.000	(350.904.281)	4.930.000.000	(350.904.281)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng thông tin di động (MOBI - I)	960.000.000		960.000.000	
Cộng	5.890.000.000	(350.904.281)	5.890.000.000	(350.904.281)

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(350.904.281)	(350.904.281)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Số cuối năm	(350.904.281)	(350.904.281)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	74.548.249.207	60.696.236.773
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông – VITECO	12.914.493.240	-
Trung tâm mạng lưới Mobifone Miền Bắc - Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	9.538.706.565	1.428.036.535
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	6.866.847.900	-
Trung tâm Dịch vụ viễn thông Khu vực 2	-	16.341.992.724
Ban quản lý Dự án các công trình viễn thông	15.030.241.751	13.885.324.026
Các khách hàng khác	30.197.959.751	30.468.920.023
Cộng	74.548.249.207	60.696.236.773

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	8.750.690.573	1.836.434.522
Công ty TNHH Smatec	7.691.250.000	747.320.000
Công ty Cổ phần Vi điện tử Thái Bình Dương (Pacipab)	633.900.000	633.900.000
Các nhà cung cấp khác	425.540.573	455.214.522
Cộng	8.750.690.573	1.836.434.522

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	36.126.920.415	(4.146.095.234)	33.255.721.588	(3.852.045.966)
Phải thu cán bộ công nhân viên	5.264.243.868	(1.919.569.484)	4.703.137.923	(1.919.569.484)
Phải thu Smatec về tiền phạt vi phạm hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị SMU	1.124.688.840	-	1.124.688.840	-
Tạm ứng	13.314.075.061	-	12.734.648.659	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	451.338.387	-	449.462.871	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.972.574.259	(2.226.525.750)	14.243.783.295	(1.932.476.482)
Cộng	<u>36.126.920.415</u>	<u>(4.146.095.234)</u>	<u>33.255.721.588</u>	<u>(3.852.045.966)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.656.944.519		4.362.895.251	
Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811		1.145.857.811	
Đình Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768		203.814.768	
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702		1.499.798.702	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.807.473.238		1.513.423.970	
Cộng	<u>4.656.944.519</u>		<u>4.362.895.251</u>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	4.362.895.251		4.362.895.251
Trích lập dự phòng bổ sung	294.049.268		294.049.268
Số cuối năm	<u>4.656.944.519</u>		<u>4.656.944.519</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN
 DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG
 TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.059.548.657	(416.526.798)	6.675.887.142	
Công cụ, dụng cụ	58.068.636		141.711.336	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.232.771.436		12.994.154.466	
Hàng hóa	1.250.397.362		1.374.511.598	
Cộng	27.600.786.091	(416.526.798)	21.186.264.542	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	416.526.798	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	416.526.798	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	135.434.097	126.743.618
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.000.000	1.800.000
Cộng	151.434.097	128.543.618

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải thể các chi nhánh	859.233.551	751.264.963
Chi phí cải tạo trụ sở công ty	162.285.891	264.782.243
Chi phí công cụ, dụng cụ	173.343.101	476.005.800
Các chi phí trả trước dài hạn khác	8.678.333	
Cộng	1.203.540.876	1.492.053.006

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.147.824.820	25.666.976.654	10.300.097.186	1.082.385.409	156.303.800	60.353.587.869
Mua trong năm		634.578.000	1.917.600.000	248.650.000		2.800.828.000
Thanh lý, nhượng bán			(995.007.238)			(995.007.238)
Số cuối năm	23.147.824.820	26.301.554.654	11.222.689.948	1.331.035.409	156.303.800	62.159.408.631
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.786.330.055	21.390.823.378	5.357.200.004	1.067.061.522	156.303.800	32.757.718.759
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	12.529.339.645	24.170.130.106	7.896.830.579	1.067.061.522	147.866.312	45.811.228.164
Khấu hao trong năm	1.218.104.464	626.616.985	542.270.132	52.045.771	8.437.488	2.447.474.840
Thanh lý, nhượng bán			(995.007.238)			(995.007.238)
Số cuối năm	13.747.444.109	24.796.747.091	7.444.093.473	1.119.107.293	156.303.800	47.263.695.766
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	10.618.485.175	1.496.846.548	2.403.266.607	15.323.887	8.437.488	14.542.359.705
Số cuối năm	9.400.380.711	1.504.807.563	3.778.596.475	211.928.116		14.895.712.865
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	883.685.966	160.000.000	1.043.685.966
Khấu hao trong năm	139.323.852		139.323.852
Số cuối năm	1.023.009.818	160.000.000	1.183.009.818
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.847.351.852		24.847.351.852
Số cuối năm	24.708.028.000		24.708.028.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	546.728.000	2.254.100.000	(2.800.828.000)	
Xây dựng cơ bản dở dang công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ	1.054.313.636			1.054.313.636
Cộng	1.601.041.636	2.254.100.000	(2.800.828.000)	1.054.313.636

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các nhà cung cấp khác	17.873.889.757	18.119.729.830
Công ty Cổ phần Công nghệ Radcom Việt Nam	2.038.261.000	9.790.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện Miền Trung	1.040.945.950	1.140.945.950
Công ty Huawei Tech Investment Co, Ltd	1.859.129.400	5.084.420.560
Các nhà cung cấp khác	12.935.553.407	11.884.573.320
Cộng	17.873.889.757	18.119.729.830

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	970.109.667	934.762.765
Nec Corporation	109.973.600	109.973.600
Công ty mạng lưới Viettel – Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	103.479.993	96.190.000
Ông Nguyễn Minh Ngọc	120.000.000	120.000.000
Các khách hàng khác	636.656.074	608.599.165
Cộng	<u>970.109.667</u>	<u>934.762.765</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.550.078.754	146.879.168	8.624.163.398	(7.572.672.590)	3.657.834.035	203.143.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			59.460.451	(59.460.451)		
Thuế xuất, nhập khẩu			2.716.905	(2.716.905)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.037.140	38.199.350	74.487.952	(145.543.853)	85.981.239	38.199.350
Thuế thu nhập cá nhân	173.796.651	497.262	279.854.073	(313.758.705)	139.892.019	497.262
Các loại thuế khác	(177.679.765)	218.957.777	15.716.905	(13.000.000)		393.920.637
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			1.000.000	(1.000.000)		
Cộng	2.703.232.780	404.533.557	9.057.399.684	(8.108.152.504)	3.883.707.293	635.760.890

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ: phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Công ty con: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000071 ngày 15 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất các thiết bị viễn thông trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2015 là năm thứ tám Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.733.693.547	3.643.188.624
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(436.756.063)	109.539.472
- Các khoản điều chỉnh giảm	323.430.962	667.297.428
	(760.187.025)	(557.757.956)
Thu nhập chịu thuế	3.296.937.484	3.752.728.096
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	2.924.497.724	3.212.051.267
Thu nhập chịu thuế tại công ty con	372.439.760	540.676.828
Lỗi các năm trước được chuyển của công ty mẹ	(2.924.497.724)	(3.212.051.267)
Thu nhập tính thuế	372.439.760	540.676.828
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	74.487.952	118.948.902

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.476.422.369	10.315.436.327
Giá vốn trích trước	6.916.400.804	1.746.993.703
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.253.418.069	6.253.418.069
Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	1.879.770.228	1.879.770.228
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	426.833.268	435.254.327
Cộng	15.476.422.369	10.315.436.327

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.400.000.000</i>	-
Ông Phan Sỹ Kiên - Vay không lãi suất	400.000.000	-
Ông Trần Trung Hiếu - Vay không lãi suất	1.000.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>31.068.989.275</i>	<i>30.522.397.448</i>
Kinh phí công đoàn	641.655.993	535.546.660
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	619.305.928	68.961.048
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	20.379.011.318	20.280.793.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.486.994	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.178.191.417	5.188.481.417
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.242.337.625	4.448.614.515
Cộng	<u>32.468.989.275</u>	<u>30.522.397.448</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.230.250.000</i>	<i>1.182.100.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.230.250.000	1.182.100.000
Cộng	<u>1.230.250.000</u>	<u>1.182.100.000</u>

18. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.502.850.980</i>	<i>25.502.850.980</i>	<i>7.591.116.050</i>	<i>7.591.116.050</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.542.850.980	16.542.850.980	5.591.116.050	5.591.116.050
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình	6.509.068.080	6.509.068.080		
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Trung tâm kinh doanh	621.309.000	621.309.000		
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.412.473.900	9.412.473.900	5.591.116.050	5.591.116.050
Vay ngắn hạn tổ chức khác	7.460.000.000	7.460.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay Công ty TNHH Smatec	7.460.000.000	7.460.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.500.000.000	1.500.000.000		
Vay Ông Lưu Hồng Quân	150.000.000	150.000.000		
Vay Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	1.000.000.000	1.000.000.000		
Vay Ông Lê Ngọc Hóa	150.000.000	150.000.000		
Vay Ông Lê Việt An	200.000.000	200.000.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu thường ngắn hạn				
Vay dài hạn đến hạn trả				
Nợ thuê tài chính đến hạn trả				
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả				
Cộng	25.502.850.980	25.502.850.980	7.591.116.050	7.591.116.050

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
		phát sinh trong năm		
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.591.116.050	18.879.720.380	(7.927.985.450)	16.542.850.980
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.000.000.000	5.460.000.000	-	7.460.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân		3.265.000.000	(1.765.000.000)	1.500.000.000
Cộng	7.591.116.050	27.604.720.380	(9.692.985.450)	25.502.850.980

CTP
HÀ NỘI
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư Vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	9.041.876.184	2.059.954.379	1.102.199.009	(22.240.280.671)	87.663.308.901
Lợi nhuận trong năm trước						3.458.497.786	3.458.497.786
Trích lập các quỹ						(669.136.311)	(669.136.311)
Chi quỹ trong năm					(983.066.250)		(983.066.250)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát						(847.351.948)	(847.351.948)
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2013</i>						(388.510.214)	(388.510.214)
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2014</i>						(458.841.734)	(458.841.734)
Phân loại theo thông tư 200			2.059.954.379	(2.059.954.379)			-
Số dư cuối năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	11.101.830.563		119.132.759	(20.298.271.144)	88.622.252.178
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	11.101.830.563		119.132.759	(20.298.271.144)	88.622.252.178
Lợi nhuận trong năm						3.650.212.888	3.650.212.888
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi						(484.430.358)	(484.430.358)
Chi quỹ trong năm (*)			(1.848.629.545)				(1.848.629.545)
Số dư cuối năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	9.253.201.018		119.132.759	(17.132.488.614)	89.939.405.163

(*) Chi quỹ Đầu tư phát triển theo Quy chế Tài chính và Điều lệ Công ty để đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	48.000.000.000	48.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	49.699.560.000	49.699.560.000
Cộng	<u>97.699.560.000</u>	<u>97.699.560.000</u>

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 VND.

20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.115.339.305	17.049.597.369
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.992.707	65.741.936
Số cuối năm	<u>17.124.332.012</u>	<u>17.115.339.305</u>

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	539,33	2.586,88

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	8.273.318.781	498.356.465
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.997.792.622	43.492.904.088
Doanh thu hợp đồng xây lắp	39.041.507.774	23.590.278.385
Cộng	<u>77.312.619.177</u>	<u>67.581.538.938</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.185.337.049	342.167.749
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.389.292.395	32.155.814.994
Giá vốn của hoạt động xây lắp	33.363.679.337	20.960.202.759
Cộng	<u>62.938.308.781</u>	<u>53.458.185.502</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	10.778.165	95.842.943
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.250.985	35.526.775
Cổ tức, lợi nhuận được chia	138.240.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.429.557	216.718.532
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.297.202	41.306.038
Doanh thu tài chính khác	3.377.167	49.293.225
Cộng	<u>184.373.076</u>	<u>438.687.513</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	780.767.328	517.678.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.747.852	74.173.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.002.212	
Chi phí tài chính khác	30.159.974	41.945.103
Cộng	<u>838.677.366</u>	<u>633.797.961</u>

JA
CH
C
CH
M T
T
VG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên		163.407.570
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.233.071	868.182
Chi phí bảo hành	267.366.943	8.835.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.593.003.743	2.053.768.403
Chi phí bằng tiền khác	80.880.978	126.489.481
Cộng	<u>1.957.484.735</u>	<u>2.353.369.074</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.781.860.224	6.579.042.931
Chi phí đồ dùng văn phòng	270.141.065	282.654.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	717.042.888	710.739.287
Thuế, phí và lệ phí	26.699.514	75.534.892
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	294.049.268	(3.835.391.660)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.761.076.158	4.871.952.150
Chi phí bằng tiền khác	797.459.646	758.237.058
Cộng	<u>11.648.328.763</u>	<u>9.442.769.441</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	372.450.364	207.891.226
Thu nhập từ các khoản không phải trả lại khách hàng	1.412.730.614	
Thu tiền thanh lý công cụ dụng cụ		162.895.200
Hoàn nhập chi phí bảo hành sản phẩm		377.792.885
Thu nhập do Công ty Huawei Tech Investmen giảm giá sản phẩm	1.080.310.000	
Đánh giá tăng các tài sản tại thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp		203.208.187
Thu nhập khác	4.500.002	316.901.876
Cộng	<u>2.869.990.980</u>	<u>1.268.689.374</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ		251.867
Chi phí thanh lý vật tư		110.369.288
Phạt do vi phạm hợp đồng		22.038.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.091.033	133.106.578
Chi phí không có hóa đơn chứng từ		23.009.823
Chi phí khác	1.288.831	25.493.616
Cộng	<u>6.379.864</u>	<u>314.269.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.650.212.888	3.458.497.786
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.650.212.888	3.458.497.786
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.800.000	4.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	760	721

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Phan Sỹ Kiên		
Cho vay không lãi suất	400.000.000	-
Ông Trần Trung Hiếu		
Cho vay không lãi suất	1.000.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.467.928.841	1.783.840.117
Cộng	1.467.928.841	1.783.840.117

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Nhóm công ty chỉ có Công ty Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

3-00
HÀNG
TY
HỮU
HỮU
C
A N C
- TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.273.318.781	29.997.792.622	39.041.507.774	77.312.619.177
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.273.318.781	29.997.792.622	39.041.507.774	77.312.619.177
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(912.018.268)	9.608.500.227	5.677.828.437	14.374.310.396
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(13.605.813.498)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				768.496.898
Doanh thu hoạt động tài chính				184.373.076
Chi phí tài chính				(838.677.366)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				755.889.823
Thu nhập khác				2.869.990.980
Chi phí khác				(6.379.864)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(74.487.952)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.659.205.595
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	242.194.537	878.160.469	1.142.907.721	2.263.262.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	298.333.296	1.081.711.048	1.407.824.597	2.787.868.941

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	498.356.465	43.492.904.088	23.590.278.385	67.581.538.938
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	498.356.465	43.492.904.088	23.590.278.385	67.581.538.938
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	156.188.716	11.337.089.094	2.630.075.626	14.123.353.436
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.796.138.515)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.327.214.921
Doanh thu hoạt động tài chính				438.687.513
Chi phí tài chính				(633.797.961)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				556.663.948
Thu nhập khác				1.268.689.374
Chi phí khác				(314.269.172)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(118.948.902)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.524.239.721
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.117.686	1.581.179.031	857.621.589	2.456.918.306
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.963.781	1.218.656.566	660.991.677	1.893.612.024

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>20.217.272.545</u>	<u>73.304.748.098</u>	<u>95.404.616.226</u>	188.926.636.868
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>20.231.601.619</u>
Tổng tài sản				<u>209.158.238.487</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>10.018.363.420</u>	<u>36.325.058.450</u>	<u>47.276.313.619</u>	93.619.735.490
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>8.474.765.823</u>
Tổng nợ phải trả				<u>102.094.501.313</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận				
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>17.360.179.534</u>	<u>62.945.364.409</u>	<u>81.922.092.232</u>	162.227.636.175
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>19.101.348.176</u>
Tổng tài sản				<u>181.328.984.351</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>7.358.388.427</u>	<u>26.680.394.642</u>	<u>34.723.982.793</u>	68.762.765.862
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>6.828.627.007</u>
Tổng nợ phải trả				<u>75.591.392.869</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

“Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Nhóm Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Phải thu ngắn hạn khác	136	20.071.610.058	13.184.111.530	33.255.721.588	(i)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	136.167.801	136.167.801	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	13.320.279.331	(13.320.279.331)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	-	92.105.000	92.105.000	(ii)
Tài sản dài hạn khác	268	92.105.000	(92.105.000)	-	(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	9.041.876.184	2.059.954.379	11.101.830.563	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Thu nhập khác	31	1.446.278.148	177.588.774	1.268.689.374	(iv)
Chi phí khác	32	491.857.946	177.588.774	314.269.172	(iv)

- (i) Trình bày lại khoản tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn từ chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”; và trình bày lại khoản tài sản thiếu chờ xử lý từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tài sản thiếu chờ xử lý”.
- (ii) Trình bày lại khoản ký cược, ký quỹ dài hạn từ chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu dài hạn khác”.
- (iii) Xóa chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính”, chuyển số dư “Quỹ dự phòng tài chính” sang “Quỹ đầu tư phát triển”
- (iv) Bù trừ thu từ thanh lý tài sản cố định với giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý để phản ánh lỗ thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.457.382	-	4.673.457.382
Phải thu khách hàng	74.037.399.922	510.849.285	74.548.249.207
Các khoản phải thu khác	31.980.825.181	4.146.095.234	36.126.920.415
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
Cộng	111.651.682.485	9.586.944.519	121.238.627.004
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.776.251.383	-	6.776.251.383
Phải thu khách hàng	60.185.387.488	510.849.285	60.696.236.773
Các khoản phải thu khác	10.092.840.079	3.852.045.966	13.944.886.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	4.930.000.000	5.890.000.000
Cộng	78.014.478.950	9.292.895.251	87.307.374.201

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	25.502.850.980	-	-	25.502.850.980
Phải trả người bán	17.873.889.757	-	-	17.873.889.757
Các khoản phải trả khác	19.727.246.988	1.030.250.000	200.000.000	20.957.496.988
Cộng	63.103.987.725	1.030.250.000	200.000.000	64.334.237.725
Số đầu năm				
Vay và nợ	7.591.116.050	-	-	7.591.116.050
Phải trả người bán	18.119.729.830	-	-	18.119.729.830
Các khoản phải trả khác	20.049.755.701	982.100.000	200.000.000	21.231.855.701
Cộng	45.760.601.581	982.100.000	200.000.000	46.942.701.581

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Nhóm Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Nhóm Công ty như sau:

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.000.000	220.000.000
Vay và nợ	(25.502.850.980)	(6.507.063.850)
(Nợ phải trả) thuần	(25.282.850.980)	(6.287.063.850)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 394.412.475 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 136.365.647 VND).

4d. Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.457.382	-	6.776.251.383	
Phải thu khách hàng	74.548.249.207	(510.849.285)	60.696.236.773	(510.849.285)
Các khoản phải thu khác	36.126.920.415	(4.146.095.234)	13.944.886.045	(3.852.045.966)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	(350.904.281)	5.890.000.000	(350.904.281)
Cộng	121.238.627.004	(5.007.848.800)	87.307.374.201	(4.713.799.532)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	25.502.850.980	7.591.116.050
Phải trả người bán	17.873.889.757	18.119.729.830
Các khoản phải trả khác	20.957.496.988	21.231.855.701
Cộng	64.334.237.725	46.942.701.581

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên